

THÔNG TƯ

**Quy định quản lý thực hiện Chương trình bảo tồn
và sử dụng bền vững nguồn gen đến năm 2025, định hướng đến năm 2030**

Căn cứ Luật Khoa học và công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013;

Căn cứ Nghị định 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật khoa học và công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 20/2013/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Thực hiện Quyết định số 1671/QĐ-TTg ngày 28 tháng 9 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình bảo tồn và sử dụng bền vững nguồn gen đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Khoa học và Công nghệ các ngành kinh tế - kỹ thuật và Vụ trưởng Vụ Pháp chế,

Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Thông tư quy định quản lý thực hiện Chương trình bảo tồn và sử dụng bền vững nguồn gen đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định quản lý thực hiện Chương trình bảo tồn và sử dụng bền vững nguồn gen đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 (sau đây viết tắt là Chương trình) được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1671/QĐ-TTg ngày 28 tháng 9 năm 2015 (sau đây viết tắt là Quyết định số 1671/QĐ-TTg).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Tổ chức, cá nhân thực hiện các nhiệm vụ của Chương trình có sử dụng ngân sách nhà nước.

2. Cơ quan quản lý nhà nước và các tổ chức cá nhân khác có liên quan đến hoạt động của Chương trình.



Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Nguồn gen* là các loài sinh vật, các mẫu vật di truyền trong khu bảo tồn, cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học, cơ sở nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ và trong tự nhiên;
2. *Quỹ gen* là tập hợp các nguồn gen từ kết quả các hoạt động khoa học và công nghệ của các tổ chức thuộc mạng lưới quỹ gen trên toàn quốc;
3. *Nhiệm vụ khoa học và công nghệ về quỹ gen* (sau đây viết tắt là nhiệm vụ quỹ gen) là các đề tài khoa học và công nghệ, dự án sản xuất thử nghiệm có nội dung thực hiện việc bảo tồn và sử dụng bền vững nguồn gen, bao gồm nhiệm vụ cấp quốc gia và nhiệm vụ cấp bộ, cấp tỉnh;
4. *Mạng lưới quỹ gen quốc gia* là mạng lưới liên kết hoạt động của các tổ chức chủ trì đã thực hiện thành công và lưu giữ nguồn gen là kết quả nhiệm vụ quỹ gen có sử dụng ngân sách nhà nước trên phạm vi cả nước, được Bộ Khoa học và Công nghệ công nhận là thành viên mạng lưới.

Điều 4. Nhiệm vụ thuộc Chương trình

1. Nhiệm vụ thuộc Chương trình thực hiện các nội dung quy định tại Mục III Điều 1 Quyết định số 1671/QĐ-TTg, gồm 03 loại nhiệm vụ sau:

- a) Nhiệm vụ thường xuyên;
- b) Nhiệm vụ quỹ gen;
- c) Nhiệm vụ đầu tư cơ sở vật chất, kỹ thuật (sau đây gọi là dự án đầu tư).

2. Nhiệm vụ thường xuyên bao gồm:

a) Hoạt động duy trì lưu giữ an toàn các nguồn gen đã được thu thập, đánh giá trong Danh mục nguồn gen bảo tồn thuộc Đề án khung quỹ gen cấp bộ, tỉnh (theo quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư này) đã được bộ, ngành, địa phương phê duyệt sau khi có ý kiến đồng thuận của Bộ Khoa học và Công nghệ.

Danh mục nguồn gen bảo tồn thuộc Đề án khung quỹ gen cấp bộ, tỉnh được rà soát hằng năm.

b) Hoạt động quản lý Chương trình gồm: hoạt động quản lý Mạng lưới quỹ gen quốc gia; của Ban Điều hành, Tổ thư ký; xây dựng, quản lý và vận hành hệ thống cơ sở dữ liệu quỹ gen quốc gia; thông tin truyền thông; quản lý nhiệm vụ quỹ gen và các hoạt động khác có liên quan.

3. Nhiệm vụ quỹ gen bao gồm:

a) *Đề tài khoa học và công nghệ về quỹ gen* (sau đây gọi là đề tài quỹ gen) thực hiện các nội dung nghiên cứu bảo tồn tại chỗ (*in-situ*) và chuyển chỗ (*ex-situ*); nghiên cứu điều tra, thu thập bổ sung những nguồn gen mới và nghiên cứu phương pháp lưu giữ an toàn nguồn gen sinh vật; đánh giá, tư liệu hóa nguồn gen; đánh giá di truyền nguồn gen; nghiên cứu quy trình công nghệ, biện pháp kỹ thuật để khai thác nhằm sử dụng bền vững nguồn gen có giá trị khoa học và giá trị ứng dụng cao; xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu quỹ gen quốc gia;

b) *Dự án sản xuất thử nghiệm về quỹ gen* (sau đây gọi là dự án SXTN quỹ gen) thực hiện nội dung ứng dụng kết quả của đề tài khoa học và công nghệ liên quan đến nguồn gen để sản xuất thử nhằm hoàn thiện công nghệ mới, sản phẩm mới trước khi đưa vào sản xuất hàng hóa.

4. Dự án đầu tư

Thực hiện việc tăng cường tiềm lực cơ sở vật chất kỹ thuật cho các tổ chức khoa học và công nghệ thuộc Mạng lưới quỹ gen quốc gia, trọng tâm để thực hiện các nhiệm vụ quy định tại khoản 2 Mục III Điều 1 Quyết định số 1671/QĐ-TTg và các nhiệm vụ số 7, 8, 9, 10 tại Danh mục các nhiệm vụ ưu tiên quy định tại Phụ lục kèm theo Quyết định số 1671/QĐ-TTg.

Điều 5. Yêu cầu đối với nhiệm vụ quỹ gen

1. *Đối với nhiệm vụ quỹ gen cấp quốc gia*: đáp ứng các tiêu chí nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia quy định tại khoản 1 Điều 25 Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học và công nghệ (sau đây viết tắt là Nghị định số 08/2014/NĐ-CP).

2. *Đối với nhiệm vụ quỹ gen cấp bộ, cấp tỉnh*: đáp ứng các tiêu chí nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp bộ, cấp tỉnh quy định tại khoản 1 Điều 26, khoản 1 Điều 27 của Nghị định số 08/2014/NĐ-CP.

3. Ngoài việc đáp ứng các tiêu chí quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này, nhiệm vụ quỹ gen phải được thực hiện trên các đối tượng là những nguồn gen có nguồn gốc trong nước hoặc nhập nội đã thích nghi, phát triển ổn định ở điều kiện sinh thái Việt Nam, có ý nghĩa quan trọng trong sản xuất và đáp ứng một trong những yêu cầu sau:

a) Nguồn gen quý, hiếm, đặc hữu của Việt Nam có nguy cơ suy thoái hoặc tuyệt chủng;

b) Nguồn gen có năng suất cao, chất lượng tốt, có tính chống chịu và thích ứng cao với ngoại cảnh, có giá trị khoa học và khả năng ứng dụng cho công tác chọn tạo giống;

c) Nguồn gen có giá trị ứng dụng trong nông nghiệp, công nghiệp, y - dược, văn hóa, bảo vệ môi trường và quốc phòng - an ninh.

Chương II

QUẢN LÝ CHƯƠNG TRÌNH

Điều 6. Nguyên tắc quản lý

Bộ Khoa học và Công nghệ thống nhất quản lý Chương trình theo các quy định về quản lý khoa học và công nghệ và quy định của Thông tư này.

1. Nhiệm vụ thường xuyên

a) Các bộ, ngành, địa phương

Căn cứ văn bản hướng dẫn xây dựng kế hoạch và dự toán ngân sách khoa học và công nghệ hằng năm của Bộ Khoa học và Công nghệ và các nội dung quy định tại điểm a khoản 1 Điều 4 Thông tư này; căn cứ Đề án khung bảo tồn nguồn gen của bộ, ngành, địa phương; bộ, ngành, địa phương tổng hợp nhu cầu thực hiện các hoạt động để duy trì lưu giữ an toàn nguồn gen của các tổ chức trực thuộc, lập kế hoạch chung gửi về Bộ Khoa học và Công nghệ.

Trên cơ sở đề xuất của các bộ, ngành, địa phương, Bộ Khoa học và Công nghệ tổng hợp, thống nhất với Bộ Tài chính để cân đối nguồn ngân sách phân bổ cho các bộ, ngành, địa phương theo kế hoạch.

Các bộ, ngành, địa phương tổ chức việc xét giao trực tiếp cho các tổ chức thực hiện, kiểm tra định kỳ, nghiệm thu đánh giá theo quy định của nhiệm vụ cấp bộ, cấp tỉnh.

b) Bộ Khoa học và Công nghệ

Căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 4 Thông tư này, hằng năm đơn vị quản lý Chương trình của Bộ Khoa học và Công nghệ xây dựng kế hoạch nhiệm vụ thường xuyên để thực hiện việc quản lý Chương trình, trình Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ phê duyệt và tổ chức thực hiện.

2. Nhiệm vụ quỹ gen

a) Nhiệm vụ quỹ gen cấp quốc gia do Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ phê duyệt, ký hợp đồng và tổ chức thực hiện. Việc xây dựng và tổ chức thực hiện nhiệm vụ quỹ gen cấp quốc gia quy định tại Chương IV Thông tư này.

b) Nhiệm vụ quỹ gen cấp bộ, cấp tỉnh do Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương phê duyệt, ký hợp đồng và tổ chức thực hiện. Việc xây dựng và tổ chức thực hiện nhiệm vụ quỹ gen cấp bộ, cấp tỉnh vận dụng quy định quản lý các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp bộ, cấp tỉnh và quy định tại Thông tư này.

3. Dự án đầu tư

a) Việc xây dựng và tổ chức thực hiện các dự án đầu tư tuân thủ quy định của Luật Đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014, Luật Đầu tư công ngày 18 tháng 6 năm 2014 và các văn bản quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành.

b) Dự án đầu tư thuộc Chương trình phải có ý kiến đồng thuận bằng văn bản của Bộ Khoa học và Công nghệ trước khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 7. Tổ chức quản lý Chương trình

1. *Ban Điều hành Chương trình* (sau đây gọi là Ban Điều hành): Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ra quyết định thành lập Ban Điều hành, Tổ Thư ký giúp việc và ban hành Quy chế làm việc của Ban Điều hành.

Thành phần Ban Điều hành gồm: Trưởng ban là Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ, Phó Trưởng ban gồm 01 Thứ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ (Phó ban thường trực) và 01 Thứ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các thành viên khác là đại diện các Bộ Công Thương, Y tế, Giáo dục và Đào tạo và các đơn vị có liên quan của Bộ Khoa học và Công nghệ.

2. *Đơn vị quản lý Chương trình* là các đơn vị giúp Bộ Khoa học và Công nghệ triển khai tổ chức, quản lý Chương trình, bao gồm:

a) *Đơn vị quản lý các nhiệm vụ của Chương trình* (sau đây viết tắt là Đơn vị quản lý nhiệm vụ) là Vụ Khoa học và Công nghệ các ngành kinh tế - kỹ thuật, được Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ giao thực hiện chức năng quản lý nhà nước đối với Chương trình; tổ chức triển khai nhiệm vụ của Chương trình theo đúng mục tiêu, nội dung và sản phẩm đã được phê duyệt;

b) *Đơn vị quản lý kinh phí thực hiện các nhiệm vụ của Chương trình* (sau đây viết tắt là Đơn vị quản lý kinh phí) là đơn vị dự toán ngân sách cấp III giúp Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quản lý việc sử dụng kinh phí từ ngân sách nhà nước để thực hiện các hoạt động tổ chức triển khai Chương trình.

3. Đơn vị quản lý nhiệm vụ và kinh phí của Chương trình thuộc phạm vi quản lý của bộ, ngành, địa phương do lãnh đạo bộ, ngành, địa phương phân công thực hiện.

Điều 8. Kinh phí thực hiện

1. Nguồn kinh phí thực hiện Chương trình gồm: nguồn ngân sách nhà nước cho khoa học và công nghệ hằng năm (ngân sách trung ương và ngân sách địa phương); nguồn vốn huy động của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước; nguồn vốn hợp tác quốc tế và các nguồn vốn hợp pháp khác.

2. Nguồn ngân sách nhà nước chi thực hiện Chương trình gồm:

a) Kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ được bố trí cho các nhiệm vụ thường xuyên và các nhiệm vụ quỹ gen theo quy định tại khoản 2 và 3 Điều 4 của Thông tư này;

b) Kinh phí đầu tư phát triển khoa học và công nghệ được bố trí cho các dự án đầu tư theo quy định tại khoản 4 Điều 4 của Thông tư này.

3. Việc lập dự toán ngân sách hằng năm, quản lý sử dụng kinh phí ngân sách chi cho nhiệm vụ thuộc Chương trình thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015 và các văn bản hướng dẫn có liên quan khác.

Điều 9. Mã số của các nhiệm vụ quỹ gen

1. Nhiệm vụ cấp quốc gia được ghi như sau: QGQG. ĐT(DASXTN). XX/20YY, trong đó:

a) QGQG: là ký hiệu nhiệm vụ quỹ gen cấp quốc gia;

b) ĐT (DASXTN): là ký hiệu chung cho đề tài (hoặc dự án sản xuất thử nghiệm);

c) XX là ký hiệu số thứ tự của nhiệm vụ được phê duyệt thuộc Chương trình theo nhóm (đề tài, dự án SXTN) trong năm bắt đầu thực hiện;

d) 20YY là ký hiệu năm bắt đầu thực hiện nhiệm vụ.

2. Nhiệm vụ cấp bộ, cấp tỉnh được ghi như sau: QGA. ĐT(DASXTN). XX/20YY, trong đó:

a) QGA: là ký hiệu nhiệm vụ quỹ gen cấp bộ, tỉnh. A được ghi theo mã số quy ước cho các bộ ngành, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, các tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương quy định tại Bảng 1 và 2 Phụ lục II của Thông tư này.

Ví dụ: QGB06 được hiểu là nhiệm vụ quỹ gen cấp bộ do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quản lý;

b) Các ký hiệu còn lại được ghi theo quy định tại điểm b, c, d khoản 1 Điều này.

Chương III

MẠNG LƯỚI QUỸ GEN VÀ CƠ SỞ DỮ LIỆU QUỸ GEN QUỐC GIA

Điều 10. Công nhận thành viên Mạng lưới quỹ gen

1. Các tổ chức tham gia chủ trì thực hiện các nhiệm vụ quỹ gen có sử dụng ngân sách nhà nước đã được nghiệm thu đạt yêu cầu trở lên được Bộ Khoa học và Công nghệ công nhận là thành viên Mạng lưới quỹ gen.

2. Các tổ chức có nguyện vọng tham gia Mạng lưới quỹ gen gửi văn bản đề nghị công nhận là thành viên mạng lưới và Quyết định công nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ quỹ gen về Vụ Khoa học và Công nghệ các ngành kinh tế - kỹ thuật làm cơ sở trình Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ra quyết định công nhận.

3. Danh sách thành viên Mạng lưới quỹ gen được rà soát hằng năm và được công bố công khai trên trang thông tin điện tử của Chương trình.

Điều 11. Nhiệm vụ của thành viên Mạng lưới quỹ gen

1. Thực hiện điều tra, thu thập nguồn gen phù hợp với lĩnh vực chuyên môn.

2. Đề xuất với cơ quan chủ quản (bộ, ngành, địa phương) về việc điều chỉnh Danh mục bảo tồn hằng năm, đề xuất nhiệm vụ thường xuyên để lưu giữ an toàn các nguồn gen là kết quả của nhiệm vụ quỹ gen.

3. Sử dụng, trao đổi, chuyển giao, cung cấp kết quả thực hiện nhiệm vụ quỹ gen cho tổ chức, cá nhân khác và được hưởng lợi ích từ các hoạt động này theo quy định của pháp luật.

4. Lưu giữ an toàn các nguồn gen, cơ sở dữ liệu về nguồn gen là kết quả của các nhiệm vụ thuộc Chương trình.

5. Hằng năm, báo cáo Bộ Khoa học và Công nghệ và cơ quan quản lý nhà nước cấp trên trực tiếp của thành viên mạng lưới quỹ gen về các hoạt động bảo tồn và sử dụng bền vững nguồn gen, cơ sở dữ liệu quỹ gen thuộc lĩnh vực được giao của đơn vị; báo cáo về các hoạt động tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích phát sinh từ việc sử dụng nguồn gen của đơn vị với các tổ chức khác.

Điều 12. Tổ chức hoạt động của Mạng lưới quỹ gen quốc gia

Mạng lưới quỹ gen quốc gia thực hiện các hoạt động theo sự chỉ đạo của Ban Điều hành và Đơn vị quản lý Chương trình, bao gồm các hoạt động sau đây:

1. Xây dựng kế hoạch về bảo tồn và sử dụng bền vững nguồn gen cho giai đoạn 5 năm;
2. Đề xuất và xây dựng thuyết minh nhiệm vụ quỹ gen;
3. Tổ chức triển khai thực hiện nhiệm vụ quỹ gen, đề xuất xử lý các vấn đề nảy sinh trong quá trình thực hiện;
4. Tổ chức kiểm tra, đôn đốc, giám sát việc thực hiện, báo cáo kết quả, đánh giá nghiệm thu, xử lý và lưu giữ kết quả thực hiện nhiệm vụ quỹ gen;
5. Tham gia xây dựng cơ sở dữ liệu về quỹ gen;
6. Tham gia Tổ chức hội thảo, tổng kết đánh giá kết quả 5 năm, 10 năm thực hiện nhiệm vụ quỹ gen và kiến nghị các cơ chế, chính sách và biện pháp cần thiết để bảo đảm thực hiện hiệu quả nhiệm vụ quỹ gen;
7. Đề xuất khen thưởng đối với các thành viên của mạng lưới quỹ gen có thành tích nổi bật trong quá trình thực hiện và kiến nghị xử lý thành viên vi phạm quy định của pháp luật về bảo tồn và sử dụng nguồn gen.

Điều 13. Cơ sở dữ liệu quỹ gen quốc gia

1. Bộ Khoa học và Công nghệ tổ chức xây dựng cơ sở dữ liệu quỹ gen quốc gia là kết quả của các nhiệm vụ quỹ gen đã thực hiện có sử dụng ngân sách nhà nước.
2. Cơ sở dữ liệu quỹ gen được quản lý thông qua trang thông tin điện tử của Chương trình.
3. Cơ quan quản lý Chương trình có trách nhiệm bảo đảm việc quản lý cơ sở dữ liệu quỹ gen và duy trì hoạt động trang thông tin điện tử của Chương trình.
4. Thành viên mạng lưới quỹ gen có trách nhiệm cập nhật thông tin về nguồn gen do đơn vị quản lý (hoặc sở hữu) vào cơ sở dữ liệu chung.

Chương IV

XÂY DỰNG VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ QUỸ GEN CẤP QUỐC GIA

Điều 14. Tổ chức xác định nhiệm vụ quỹ gen

1. Căn cứ vào mục tiêu và nội dung được quy định tại Mục II và III Điều 1 Quyết định số 1671/QĐ-TTg, các bộ ngành, địa phương xây dựng đề xuất đặt hàng gửi về Bộ Khoa học và Công nghệ.
2. Đơn vị quản lý nhiệm vụ tổng hợp, rà soát danh mục đề xuất đặt hàng của các bộ, ngành, địa phương xin ý kiến Ban Điều hành và trình Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ xem xét, quyết định.

3. Việc tổ chức xác định nhiệm vụ quỹ gen được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 07/2014/TT-BKHCN ngày 26 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định trình tự, thủ tục xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước và theo quy định tại khoản 3 Điều 5 của Thông tư này.

Điều 15. Tổ chức tuyển chọn, xét giao trực tiếp và thẩm định kinh phí

1. Căn cứ vào danh mục nhiệm vụ quỹ gen đã được Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ phê duyệt, đơn vị quản lý nhiệm vụ chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan tổ chức tuyển chọn, xét giao trực tiếp tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ quỹ gen và thẩm định kinh phí.

2. Việc tuyển chọn, xét giao trực tiếp tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ quỹ gen và thẩm định kinh phí thực hiện theo quy định tại Thông tư số 10/2014/TT-BKHCN ngày 30 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước và Thông tư số 23/2014/TT-BKHCN về việc sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 10/2014/TT-BKHCN và các văn bản liên quan.

Điều 16. Ký hợp đồng, kiểm tra đánh giá điều chỉnh, chấm dứt hợp đồng nhiệm vụ quỹ gen

1. Việc ký Hợp đồng thực hiện nhiệm vụ quỹ gen thực hiện theo quy định tại Thông tư số 05/2014/TT-BKHCN ngày 10 tháng 4 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành "Mẫu hợp đồng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ".

2. Việc kiểm tra, đánh giá quá trình thực hiện, điều chỉnh và chấm dứt hợp đồng thực hiện nhiệm vụ quỹ gen thực hiện theo quy định tại Thông tư 04/2015/TT-BKHCN ngày 11 tháng 3 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định việc kiểm tra, đánh giá, điều chỉnh và chấm dứt hợp đồng trong quá trình thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước.

Điều 17. Tổ chức đánh giá, nghiệm thu kết quả, thanh lý hợp đồng, khai thác kết quả và xử lý tài sản nhiệm vụ quỹ gen

1. Việc tổ chức đánh giá, nghiệm thu kết quả, thanh lý hợp đồng, khai thác kết quả và xử lý tài sản nhiệm vụ quỹ gen thực hiện theo quy định tại Thông tư số 11/2014/TT-BKHCN ngày 30 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định việc đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước và các quy định khác có liên quan.

2. Việc quản lý sản phẩm là nguồn gen và cơ sở dữ liệu về nguồn gen của nhiệm vụ quỹ gen được thực hiện như sau:

a) Nguồn gen và cơ sở dữ liệu được lưu giữ tại tổ chức thực hiện nhiệm vụ quỹ gen để phục vụ cho các nhiệm vụ kế tiếp và sử dụng theo quy định;

b) Các tổ chức chủ trì có trách nhiệm cung cấp thông tin và cơ sở dữ liệu về nguồn gen của nhiệm vụ quỹ gen cho cơ quan quản lý nhiệm vụ quỹ gen và Bộ Khoa học và Công nghệ;

c) Việc trao đổi thông tin về nguồn gen và chia sẻ nguồn gen, lợi ích phát sinh từ việc sử dụng nguồn gen được thực hiện theo quy định của Luật khoa học và công nghệ ngày 18 tháng 06 năm 2013, Luật Đa dạng sinh học ngày 13 tháng 11 năm 2008 và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.

Chương V

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 18. Bộ Khoa học và Công nghệ

1. Chỉ đạo, điều hành chung việc thực hiện Chương trình; điều phối hoạt động và công nhận thành viên của Mạng lưới quỹ gen quốc gia; cho ý kiến bằng văn bản làm cơ sở phê duyệt Đề án khung bảo tồn nguồn gen của các bộ, ngành, địa phương.

2. Chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư và các bộ, ngành, địa phương liên quan, lập dự toán kinh phí, giải quyết những vấn đề về tài chính của Chương trình theo nhiệm vụ cụ thể hằng năm.

3. Hướng dẫn các bộ, ngành, địa phương xây dựng kế hoạch và dự toán ngân sách khoa học và công nghệ hằng năm, bao gồm các nhiệm vụ thuộc Chương trình.

4. Đôn đốc, kiểm tra, đánh giá tình hình triển khai thực hiện Chương trình; tổ chức sơ kết 5 năm, tổng kết 10 năm thực hiện Chương trình và báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

5. Trực tiếp quản lý việc thực hiện các nhiệm vụ thường xuyên, các nhiệm vụ quỹ gen cấp quốc gia và dự án đầu tư thuộc Chương trình trong phạm vi quản lý.

Điều 19. Các bộ, ngành, địa phương

1. Các bộ, ngành, địa phương phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ thực hiện Chương trình; tham gia kiểm tra, giám sát và đánh giá tình hình triển khai thực hiện nhiệm vụ quỹ gen cấp quốc gia có liên quan.

2. Chủ trì thực hiện các công việc sau:

a) Phân công đơn vị trực thuộc làm đầu mối phối hợp với đơn vị quản lý Chương trình của Bộ Khoa học và Công nghệ quản lý Chương trình và các nhiệm vụ do bộ, ngành, địa phương quản lý;

b) Tổ chức xây dựng và phê duyệt Đề án khung quỹ gen cấp bộ, tỉnh theo giai đoạn 05 năm;

c) Rà soát và phê duyệt Danh mục nguồn gen bảo tồn; xây dựng kế hoạch hoạt động lưu giữ an toàn nguồn gen trong Danh mục nguồn gen bảo tồn do bộ, ngành, địa phương quản lý, đưa vào kế hoạch khoa học và công nghệ hằng năm;

d) Tổ chức xây dựng dự án đầu tư cho các tổ chức khoa học và công nghệ trong Mạng lưới quỹ gen quốc gia do bộ, ngành, địa phương quản lý;

đ) Chỉ đạo cập nhật thông tin về nguồn gen vào hệ thống cơ sở dữ liệu quỹ gen quốc gia;

e) Xây dựng, phê duyệt và quản lý các nhiệm vụ quỹ gen cấp bộ, cấp tỉnh; cập nhật trên trang thông tin điện tử của Chương trình.

Điều 20. Tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ quỹ gen

1. Chịu trách nhiệm về tiến độ và kết quả thực hiện nhiệm vụ;

2. Kiến nghị bằng văn bản với Bộ chủ trì về việc điều chỉnh mục tiêu, nội dung, giải pháp, tiến độ thực hiện nhiệm vụ của Chương trình cho phù hợp với yêu cầu thực tế và quy định hiện hành;

3. Thực hiện đầy đủ chế độ báo cáo định kỳ và đột xuất về tình hình triển khai nhiệm vụ của Chương trình và báo cáo quyết toán kinh phí với cấp có thẩm quyền;

4. Lưu giữ nguồn gen và cơ sở dữ liệu của nhiệm vụ quỹ gen để phục vụ cho các nhiệm vụ kế tiếp và sử dụng theo quy định;

5. Cung cấp thông tin và cơ sở dữ liệu về nguồn gen của nhiệm vụ quỹ gen cho cơ quan quản lý nhiệm vụ quỹ gen và Bộ Khoa học và Công nghệ.

Chương VI ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 21. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 10 năm 2016.

2. Bãi bỏ Thông tư số 18/2010/TT-BKHCN ngày 24 tháng 12 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định việc quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ về quỹ gen và Thông tư số 18/2014/TT-BKHCN ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ sửa đổi, bổ sung một số quy định của Thông tư số 18/2010/TT-BKHCN.

3. Trường hợp các văn bản được dẫn chiếu tại Thông tư này được sửa đổi,

bổ sung, thay thế thì thực hiện theo văn bản mới ban hành.

Điều 22. Điều khoản chuyển tiếp

Đối với các nhiệm vụ quỹ gen đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt trước thời điểm Thông tư này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục được thực hiện theo các quy định hiện hành tại thời điểm phê duyệt cho đến khi kết thúc nhiệm vụ.

Điều 23. Trách nhiệm thi hành

1. Các Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các tổ chức, cá nhân liên quan có trách nhiệm thi hành Thông tư này.

2. Quá trình tổ chức thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc đề nghị phản ánh bằng văn bản về Bộ Khoa học và Công nghệ để được hướng dẫn hoặc nghiên cứu sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./. 

Nơi nhận:

- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng TW và các Ban của Đảng;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Cơ quan TW của các đoàn thể;
- UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Sở KH&CN các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Cục kiểm tra văn bản, Bộ Tư pháp;
- Công báo VPCP;
- Cổng thông tin điện tử của Bộ KH&CN;
- Lưu: VT, CNN.



**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Trần Quốc Khánh

Phụ lục 1

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 17/2016/TT-BKHCN của Bộ trưởng Bộ trưởng
Bộ Khoa học và Công nghệ ngày 01 tháng 9 năm 2016)*

1. Mẫu 1. Đề án khung bảo tồn nguồn gen cấp bộ, tỉnh giai đoạn 5 năm 20... - 20....
2. Mẫu 2. Danh mục nguồn gen bảo tồn cấp bộ, tỉnh, giai đoạn 5 năm 20... - 20....
3. Mẫu 3. Đề xuất danh mục nhiệm vụ bảo tồn nguồn gen đề nghị thực hiện cấp quốc gia trong giai đoạn 5 năm 20... -20...

Bộ, ngành ... (ghi rõ tên bộ, ngành)
hoặc UBND Tỉnh, Thành phố ...

ĐỀ ÁN KHUNG BẢO TỒN NGUỒN GEN CẤP BỘ/CẤP TỈNH
GIAI ĐOẠN 5 NĂM 20...-20..

*(Kèm theo Công văn số: / ngày tháng năm 20...
của Bộ, Ngành/ UBND tỉnh, thành phố ...)*

I. Tính cấp thiết

II. Mục tiêu

1. Mục tiêu tổng quát:
2. Mục tiêu cụ thể:

III. Nội dung cần giải quyết

Trình bày các nội dung cụ thể cần giải quyết, nêu rõ tính cấp thiết;
*(Kèm theo bảng thống kê chi tiết tại **Mẫu 1** và **Mẫu 2**)*

IV. Dự kiến kết quả

V. Dự kiến kinh phí thực hiện (trong 5 năm):

Tổng số:

- Trong đó: - Kinh phí từ ngân sách nhà nước:
 - Kinh phí khác:

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN
(Họ tên, chữ ký và đóng dấu)

Bộ, ngành ... (ghi rõ tên bộ, ngành)
hoặc UBND Tỉnh, Thành phố ...

DANH MỤC NGUỒN GEN BẢO TỒN CẤP BỘ, TỈNH
GIAI ĐOẠN 5 NĂM 20..-20..

TT	Tên nguồn gen (Sắp xếp theo thứ tự ưu tiên)	Đặc điểm nguồn gen	Mục tiêu bảo tồn	Dự kiến kinh phí (NSNN)	Ghi chú
1					
2					
3					
....					

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN
(Họ tên, chữ ký và đóng dấu)

Bộ, ngành ... (ghi rõ tên bộ, ngành)
hoặc UBND Tỉnh, Thành phố ...

ĐỀ XUẤT DANH MỤC NHIỆM VỤ BẢO TỒN NGUỒN GEN
ĐỀ NGHỊ THỰC HIỆN CẤP QUỐC GIA TRONG GIAI ĐOẠN 5 NĂM 20..-20..

TT	Tên nhiệm vụ	Tên tổ chức dự kiến chủ trì	Đối tượng nguồn gen và mục tiêu của nhiệm vụ	Dự kiến kinh phí (NSNN)	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1						
2						
3						
...						

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN
(Họ tên, chữ ký và đóng dấu)

Phụ lục 2

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 17/2016/TT-BKHCN của Bộ trưởng Bộ trưởng
Bộ Khoa học và Công nghệ ngày 01 tháng 9 năm 2016)*

1. Bảng 1. Danh mục mã số các bộ, ngành trực tiếp quản lý thực hiện Chương trình.
2. Bảng 2. Danh mục mã số các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

**DANH MỤC MÃ SỐ CÁC BỘ NGÀNH
TRỰC TIẾP QUẢN LÝ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH**

Số TT	Mã số (Code)	Tên cơ quan	Số TT	Mã số (Code)	Tên cơ quan
1	B01	Ban Quản lý lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh	7	B07	Bộ Quốc phòng
2	B02	Bộ Công an	8	B08	Bộ Tài nguyên và Môi trường
3	B03	Bộ Công Thương	9	B09	Bộ Y tế
4	B04	Bộ Giáo dục và Đào tạo	10	B10	Đại học Quốc gia Hà Nội
5	B05	Bộ Khoa học và Công nghệ	11	B11	Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh
6	B06	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	12	B12	Viện Hàn lâm khoa học và Công nghệ Việt Nam

Danh sách này có 12 đơn vị

DANH MỤC MÃ SỐ CÁC TỈNH, THÀNH PHỐ TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG

Số TT	Mã số (Code)	Tên tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	Số TT	Mã số (Code)	Tên tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương
1	T01	Thành phố Hà Nội	33	T32	Tỉnh Quảng Trị
2	T02	Thành phố Hồ Chí Minh	34	T33	Tỉnh Thừa Thiên - Huế
3	T03	Thành phố Hải Phòng	35	T34	Tỉnh Quảng Nam
4	T04	Thành phố Đà Nẵng	36	T35	Tỉnh Quảng Ngãi
5	T05	Thành phố Cần Thơ	37	T36	Tỉnh Kon Tum
6	T10	Tỉnh Hà Giang	38	T37	Tỉnh Bình Định
7	T11	Tỉnh Cao Bằng	39	T38	Tỉnh Gia Lai
8	T12	Tỉnh Lai Châu	40	T39	Tỉnh Phú Yên
9	T67	Tỉnh Điện Biên	41	T40	Tỉnh Đắk Lắk
10	T13	Tỉnh Lào Cai	42	T68	Tỉnh Đắk Nông
11	T14	Tỉnh Tuyên Quang	43	T41	Tỉnh Khánh Hòa
12	T15	Tỉnh Lạng Sơn	44	T42	Tỉnh Lâm Đồng
13	T16	Tỉnh Thái Nguyên	45	T43	Tỉnh Bình Dương
14	T60	Tỉnh Bắc Kạn	46	T65	Tỉnh Bình Phước
15	T17	Tỉnh Yên Bái	47	T44	Tỉnh Ninh Thuận
16	T18	Tỉnh Sơn La	48	T45	Tỉnh Tây Ninh
17	T19	Tỉnh Phú Thọ	49	T46	Tỉnh Bình Thuận
18	T61	Tỉnh Vĩnh Phúc	50	T47	Tỉnh Đồng Nai
19	T20	Tỉnh Quảng Ninh	51	T48	Tỉnh Long An
20	T62	Tỉnh Bắc Ninh	52	T49	Tỉnh Đồng Tháp
21	T21	Tỉnh Bắc Giang	53	T50	Tỉnh An Giang
22	T24	Tỉnh Hòa Bình	54	T51	Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
23	T23	Tỉnh Hải Dương	55	T52	Tỉnh Tiền Giang
24	T63	Tỉnh Hưng Yên	56	T53	Tỉnh Kiên Giang
25	T64	Tỉnh Hà Nam	57	T55	Tỉnh Bến Tre
26	T25	Tỉnh Nam Định	58	T56	Tỉnh Vĩnh Long
27	T26	Tỉnh Thái Bình	59	T57	Tỉnh Trà Vinh
28	T27	Tỉnh Thanh Hóa	60	T58	Tỉnh Sóc Trăng
29	T28	Tỉnh Ninh Bình	61	T54	Tỉnh Hậu Giang
30	T29	Tỉnh Nghệ An	62	T66	Tỉnh Bạc Liêu
31	T30	Tỉnh Hà Tĩnh	63	T59	Tỉnh Cà Mau
32	T31	Tỉnh Quảng Bình			

Danh sách này có 63 đơn vị

